

**ĐOÀN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

\*\*\*

Số: 314 /QĐ-ĐTN

**ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH**

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận các cá nhân tham dự Hội thảo  
“Mô hình ươm tạo tại Trường/Viện ở Việt Nam và trên thế giới”**

**BAN THƯỜNG VỤ ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐHĐN**

Căn cứ Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

Căn cứ kế hoạch số 2094/KH-ĐHSP ngày 04/12/2025 của Trường Đại học Sư phạm về việc tổ chức Hội thảo “Mô hình ươm tạo tại Trường/Viện ở Việt Nam và trên thế giới”;

Xét đề nghị của Văn phòng Đoàn Thanh niên Trường Đại học Sư phạm  
- Đại học Đà Nẵng,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công nhận các cá nhân đã tích cực tham dự Hội thảo “Mô hình ươm tạo tại Trường/Viện ở Việt Nam và trên thế giới” (có danh sách kèm theo);

**Điều 2.** Quyết định công nhận cho các cá nhân có tên ở Điều 1;

**Điều 3.** Văn phòng Đoàn Thanh niên và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VP.

**TM. BTV ĐOÀN TRƯỜNG  
PHÓ BÍ THƯ**



**Lê Vũ Trường Sơn**



**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HỘI THẢO  
“MÔ HÌNH ƯƠM TẠO TẠI TRƯỜNG/VIỆN Ở VIỆT NAM  
VÀ TRÊN THẾ GIỚI”**

(Kèm Quyết định Số: 314 /QĐ-ĐTN ngày 17 /12/2025  
của BTV Đoàn Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

| STT | Họ và tên               | Lớp    | Khoa      |
|-----|-------------------------|--------|-----------|
| 1   | Phạm Thị Như Bình       | 24SGT  | GDNT - TC |
| 2   | Nguyễn Hoàng Trung Kiên | 24SAN1 | GDNT - TC |
| 3   | Phạm Thị Thu Thúy       | 24SAN1 | GDNT - TC |
| 4   | Lưu Thị Minh Thư        | 24SAN2 | GDNT - TC |
| 5   | Nguyễn Trọng            | 24SAN2 | GDNT - TC |
| 6   | Bùi Lê Thanh Thảo       | 24SAN2 | GDNT - TC |
| 7   | Trần Thị Diễm Hà        | 24SMT  | GDNT - TC |
| 8   | Phạm Lê Phương Linh     | 24SMT  | GDNT - TC |
| 9   | Nguyễn Thị Thanh Mai    | 24SMT  | GDNT - TC |
| 10  | Nguyễn Thị Mỹ Duyên     | 24SMT  | GDNT - TC |
| 11  | Nguyễn Thị Kiều Trinh   | 24SMT  | GDNT - TC |
| 12  | Phạm Văn Hiếu           | 25SAN1 | GDNT - TC |
| 13  | Lê Trường Giang         | 25SAN1 | GDNT - TC |
| 14  | Nhơn Diệp An An         | 25SAN1 | GDNT - TC |
| 15  | Nguyễn Đức Nghĩa        | 25SGT  | GDNT - TC |
| 16  | Lê Thị Kiều Duyên       | 25SMT  | GDNT - TC |
| 17  | Trần Ngọc Anh Tú        | 25SMT  | GDNT - TC |
| 18  | Phạm Thị Kim Phụng      | 22SMN1 | GDTH - MN |
| 19  | Nguyễn Khánh Linh       | 22SMN1 | GDTH - MN |
| 20  | Hoàng Thị Thanh Lan     | 22SMN1 | GDTH - MN |
| 21  | Võ Thị Thu Thủy         | 22STC  | GDTH - MN |
| 22  | An Ngọc Quỳnh Anh       | 22STC  | GDTH - MN |
| 23  | Trần Thị Linh           | 22STH2 | GDTH - MN |
| 24  | Poloong Thị Trịu        | 22STH3 | GDTH - MN |
| 25  | Đậu Thị Hồng            | 22STH3 | GDTH - MN |
| 26  | Phan Vũ Thiên Kim       | 22STH3 | GDTH - MN |
| 27  | Trần Thị Minh Tâm       | 22STH4 | GDTH - MN |
| 28  | Nguyễn Thị Ngọc Anh     | 22STH5 | GDTH - MN |
| 29  | Lê Thị Thùy Trang       | 22STH5 | GDTH - MN |
| 30  | Zơ Râm Thị Xuân Mai     | 22STH5 | GDTH - MN |
| 31  | Nguyễn Thị Kim Hân      | 23 STC | GDTH - MN |
| 32  | Trương Thị Thành Đạt    | 23SMN2 | GDTH - MN |
| 33  | Nguyễn Hoàng Ánh Sáng   | 23STC  | GDTH - MN |
| 34  | Đặng Phạm Ngọc Lan      | 23STC  | GDTH - MN |
| 35  | Dương Huỳnh Khánh Linh  | 23STC  | GDTH - MN |
| 36  | Nguyễn Thu Ngân         | 23STH1 | GDTH - MN |
| 37  | Huỳnh Thị Thanh         | 23STH1 | GDTH - MN |



|    |                       |        |           |
|----|-----------------------|--------|-----------|
| 38 | Trịnh Ánh Dương       | 23STH1 | GDTH - MN |
| 39 | Trần Thị Hoa          | 23STH1 | GDTH - MN |
| 40 | Nguyễn Thị Liên       | 23STH1 | GDTH - MN |
| 41 | Hoàng Thị Hà Trang    | 23STH2 | GDTH - MN |
| 42 | Nguyễn Thị Yến        | 23STH2 | GDTH - MN |
| 43 | Đinh Du Hân           | 23STH2 | GDTH - MN |
| 44 | Nguyễn Cẩm Tú         | 23STH2 | GDTH - MN |
| 45 | Nguyễn Thị Cẩm Giang  | 23STH2 | GDTH - MN |
| 46 | Phạm Thị Thanh Hằng   | 23STH2 | GDTH - MN |
| 47 | Zơ Rưm Nguyệt         | 23STH4 | GDTH - MN |
| 48 | Trương Thị Hải Yến    | 23STH4 | GDTH - MN |
| 49 | Nguyễn Trần Yến Như   | 23STH7 | GDTH - MN |
| 50 | Đinh Thị Thắng        | 23STH7 | GDTH - MN |
| 51 | Nguyễn Thị Hoài Hương | 23STH7 | GDTH - MN |
| 52 | Nguyễn Thị Kim An     | 24SMN1 | GDTH - MN |
| 53 | Bhướch Thị Tép        | 24SMN1 | GDTH - MN |
| 54 | A lăng Thị Lan        | 24SMN1 | GDTH - MN |
| 55 | Nguyễn Thị Minh Châu  | 24SMN1 | GDTH - MN |
| 56 | Bling Thị Avy Khuyên  | 24SMN1 | GDTH - MN |
| 57 | Y Sang                | 24SMN1 | GDTH - MN |
| 58 | Y Thảo                | 24SMN1 | GDTH - MN |
| 59 | Ngô Thùy Trang        | 24SMN1 | GDTH - MN |
| 60 | Đinh Thị Trinh        | 24SMN1 | GDTH - MN |
| 61 | Nguyễn Thị Thanh Bình | 24SMN2 | GDTH - MN |
| 62 | Nguyễn Thị Minh Anh   | 24SMN2 | GDTH - MN |
| 63 | Trần Thị Thu Phương   | 24SMN2 | GDTH - MN |
| 64 | Phan Thị Trà My       | 24SMN2 | GDTH - MN |
| 65 | Trần Hồng Anh Thơ     | 24SMN3 | GDTH - MN |
| 66 | Y Lan Phương          | 24SMN3 | GDTH - MN |
| 67 | Nguyễn Thị Thuý Vy    | 24SMN3 | GDTH - MN |
| 68 | Hồ Thị Bông           | 24SMN3 | GDTH - MN |
| 69 | Lê Thị Khánh Ly       | 24SMN3 | GDTH - MN |
| 70 | Phan Thị Hồng Dân     | 24SMN4 | GDTH - MN |
| 71 | Hồ Thị Huyền          | 24SMN4 | GDTH - MN |
| 72 | Cam Thị Thuý Vân      | 24STC1 | GDTH - MN |
| 73 | Lê Anh Nguyệt Thanh   | 24STC2 | GDTH - MN |
| 74 | Phạm Ngọc Huyền       | 24STC2 | GDTH - MN |
| 75 | Đặng Thị Thu Hiền     | 24STC2 | GDTH - MN |
| 76 | Nguyễn Thị Quỳnh Như  | 24STC2 | GDTH - MN |
| 77 | Nguyễn Trần Vân Nhi   | 24STC2 | GDTH - MN |
| 78 | Nguyễn Thị Kiều Giang | 24STC2 | GDTH - MN |
| 79 | Phan Thị Trà My       | 24STC2 | GDTH - MN |
| 80 | Lê Thị Bích Hợp       | 24STC2 | GDTH - MN |



|     |                        |        |           |
|-----|------------------------|--------|-----------|
| 81  | Nguyễn Thị Diệu Thúy   | 24STC2 | GDTH - MN |
| 82  | Phan Minh Ân           | 24STH1 | GDTH - MN |
| 83  | Nguyễn Thị Hằng        | 24STH1 | GDTH - MN |
| 84  | Dương Thị Khánh Linh   | 24STH1 | GDTH - MN |
| 85  | Đặng Thị Quý Tín       | 24STH1 | GDTH - MN |
| 86  | Hoàng Thị Thùy Trang   | 24STH1 | GDTH - MN |
| 87  | Nguyễn Thị Thương      | 24STH3 | GDTH - MN |
| 88  | Nguyễn Thị Như Quỳnh   | 24STH3 | GDTH - MN |
| 89  | Moong Thị Hạnh         | 24STH3 | GDTH - MN |
| 90  | Nguyễn Thị Thùy Linh   | 24STH3 | GDTH - MN |
| 91  | Nguyễn Thị Hiền Lương  | 24STH3 | GDTH - MN |
| 92  | Ngô Thị Oanh           | 24STH4 | GDTH - MN |
| 93  | Trịnh Thu Hường        | 24STH5 | GDTH - MN |
| 94  | Đồng Thị Lệ            | 24STH5 | GDTH - MN |
| 95  | Hoàng Thị Trúc Anh     | 24STH5 | GDTH - MN |
| 96  | Nguyễn Thị Mai Anh     | 24STH6 | GDTH - MN |
| 97  | Nguyễn Thị Anh Thư     | 24STH6 | GDTH - MN |
| 98  | Trần Thị Lê Nam        | 24STH7 | GDTH - MN |
| 99  | Đinh Thị Hoài Bảo      | 24STH7 | GDTH - MN |
| 100 | Nguyễn Thị Tiên        | 24STH7 | GDTH - MN |
| 101 | Cao Thị Thanh Lam      | 24STH7 | GDTH - MN |
| 102 | Võ Đào Yến Nhi         | 25SMN1 | GDTH - MN |
| 103 | Đinh Thị Y Huy         | 25SMN1 | GDTH - MN |
| 104 | Hồ Nguyễn Quỳnh Như    | 25SMN1 | GDTH - MN |
| 105 | Trần Nguyễn Hiền Trang | 25SMN3 | GDTH - MN |
| 106 | Đặng Như Quỳnh         | 25SMN3 | GDTH - MN |
| 107 | Nguyễn Thị Châu        | 25SMN3 | GDTH - MN |
| 108 | Ngô Thị Hồng Tâm       | 25SMN4 | GDTH - MN |
| 109 | Nguyễn Thị Như Thủy    | 25STC1 | GDTH - MN |
| 110 | Thái Ngọc Ánh          | 25STC1 | GDTH - MN |
| 111 | Dương Thị Minh Thảo    | 25STC1 | GDTH - MN |
| 112 | Lê Trần Khánh Linh     | 25STC1 | GDTH - MN |
| 113 | Ngô Thục Linh          | 25STC1 | GDTH - MN |
| 114 | Lê Thị Mỹ Quyên        | 25STC1 | GDTH - MN |
| 115 | Nguyễn Mai Trang       | 25STH6 | GDTH - MN |
| 116 | Trần Anh Thư           | 23CHD  | Lý - Hóa  |
| 117 | Nguyễn Trần Tú Anh     | 23CHD  | Lý - Hóa  |
| 118 | Đoàn Kim Ngọc          | 23CHD  | Lý - Hóa  |
| 119 | Hồ Thị Ánh Ly          | 23CHD  | Lý - Hóa  |
| 120 | Nguyễn Bảo Ngân        | 23CHD  | Lý - Hóa  |
| 121 | Phan Thu Hà            | 23CHD  | Lý - Hóa  |
| 122 | Trương Như Quỳnh       | 23CHD  | Lý - Hóa  |
| 123 | Mai Thị Diễm Thúy      | 23CHD  | Lý - Hóa  |



|     |                        |         |              |
|-----|------------------------|---------|--------------|
| 124 | Trần Quỳnh Khánh Chi   | 23SKT1  | Lý - Hóa     |
| 125 | Trần Hoàng Lan Anh     | 23SKT1  | Lý - Hóa     |
| 126 | Nguyễn Thị Như Quỳnh   | 23SKT2  | Lý - Hóa     |
| 127 | Hoàng Nhi Ánh Ngọc     | 23SKT2  | Lý - Hóa     |
| 128 | Nguyễn Văn Đạt         | 24SHH   | Lý - Hóa     |
| 129 | Thới Huyền Trang       | 24SKT1  | Lý - Hóa     |
| 130 | Cao Thị Minh Khuê      | 24SKT1  | Lý - Hóa     |
| 131 | Thái Thị Mỹ Duyên      | 24SKT1  | Lý - Hóa     |
| 132 | Đỗ Thị Hồng Linh       | 24SKT1  | Lý - Hóa     |
| 133 | Trần Thị Bích          | 24SKT1  | Lý - Hóa     |
| 134 | Nguyễn Anh Thơ         | 24SKT1  | Lý - Hóa     |
| 135 | Vũ Hạ Quyên            | 24SKT2  | Lý - Hóa     |
| 136 | Hồ Thị Hồng Diễm       | 24SKT2  | Lý - Hóa     |
| 137 | Trần Thị Tĩnh          | 25CHD   | Lý - Hóa     |
| 138 | Mai Lê Thu Hiền        | 25CHD   | Lý - Hóa     |
| 139 | Đỗ Thị Phước Anh       | 25CHD   | Lý - Hóa     |
| 140 | Trần Thị Kiều Trâm     | 25CHD   | Lý - Hóa     |
| 141 | Trần Thị Thanh Tài     | 25CHD   | Lý - Hóa     |
| 142 | Nguyễn Thị Tú Cẩm      | 25CHD   | Lý - Hóa     |
| 143 | Võ Thị Phương Linh     | 25SKT1  | Lý - Hóa     |
| 144 | Nguyễn Thị Hoài Thu    | 25SKT1  | Lý - Hóa     |
| 145 | Nguyễn Thị Ngọc Lan    | 25SVL   | Lý - Hóa     |
| 146 | Phạm Thị Hà Giang      | 22SNV1  | Ngữ Văn - TT |
| 147 | Trần Minh Gia Hân      | 23CBC1  | Ngữ Văn - TT |
| 148 | Lê Quỳnh Tiên          | 23CBC1  | Ngữ Văn - TT |
| 149 | Ngô Đỗ Tường Vi        | 23CBC1  | Ngữ Văn - TT |
| 150 | Lê Nguyễn Thảo Vy      | 23CBC2  | Ngữ Văn - TT |
| 151 | Nguyễn Thị Thanh Hồng  | 23CVH   | Ngữ Văn - TT |
| 152 | Võ Thùy Dương          | 23CVH   | Ngữ Văn - TT |
| 153 | Lê Nguyễn Anh Thư      | 23CVH   | Ngữ Văn - TT |
| 154 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 23CVH   | Ngữ Văn - TT |
| 155 | Vũ Ngọc Linh           | 23SNV1  | Ngữ Văn - TT |
| 156 | Hà Yến Nhi             | 24 CQCC | Ngữ Văn - TT |
| 157 | Nguyễn Thị Hiền        | 24CBC1  | Ngữ Văn - TT |
| 158 | Nguyễn Thị Minh Thư    | 24CBC2  | Ngữ Văn - TT |
| 159 | Lý Hoàng Phương Mai    | 24CVH   | Ngữ Văn - TT |
| 160 | Phạm Thị Anh Đào       | 24SNV2  | Ngữ Văn - TT |
| 161 | Đặng Lâm Thanh Vân     | 24SNV2  | Ngữ Văn - TT |
| 162 | Nguyễn Đỗ Nhật Linh    | 25CBC1  | Ngữ Văn - TT |
| 163 | Đoàn Thị Thanh Trà     | 25CBC1  | Ngữ Văn - TT |
| 164 | Trần Nguyễn Thu Thảo   | 25CBC1  | Ngữ Văn - TT |
| 165 | Huỳnh Khánh Ngọc       | 25CBC1  | Ngữ Văn - TT |
| 166 | Trần Thanh Ngân        | 25CBC1  | Ngữ Văn - TT |



|     |                         |         |                      |
|-----|-------------------------|---------|----------------------|
| 167 | Hoàng Thị Trinh         | 25CBC1  | Ngữ Văn - TT         |
| 168 | Nguyễn Hạ Khánh Vy      | 25CBC2  | Ngữ Văn - TT         |
| 169 | Bùi Văn Anh             | 25CQCC  | Ngữ Văn - TT         |
| 170 | Mai Thùy Linh           | 25CQCC  | Ngữ Văn - TT         |
| 171 | Trần Hiền Tài Anh       | 25CQCC  | Ngữ Văn - TT         |
| 172 | Nguyễn Hồng Ngọc        | 25CQCC  | Ngữ Văn - TT         |
| 173 | Nguyễn Hà Thanh Ngân    | 25CQCC  | Ngữ Văn - TT         |
| 174 | Nguyễn Phương Thảo      | 25CQCC2 | Ngữ Văn - TT         |
| 175 | Phạm Huyền Trang        | 25CQCC2 | Ngữ Văn - TT         |
| 176 | Ngô Nguyễn Mỹ Duyên     | 25CVH   | Ngữ Văn - TT         |
| 177 | Trần Phan Thùy Sinh     | 25CVH   | Ngữ Văn - TT         |
| 178 | Phạm Lê Phương Thảo     | 25CVH   | Ngữ Văn - TT         |
| 179 | Alăng Thị Thân          | 25CVH   | Ngữ Văn - TT         |
| 180 | Trần Huỳnh Bảo An       | 25CVHH  | Ngữ Văn - TT         |
| 181 | Hồ Kim Phụng            | 25CVHH  | Ngữ Văn - TT         |
| 182 | Võ Thị Thu Thùy         | 25CVHH  | Ngữ Văn - TT         |
| 183 | Nguyễn Võ Tố Na         | 25SNV2  | Ngữ Văn - TT         |
| 184 | Phan Mai Diễm Quỳnh     | 22CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 185 | Nguyễn Trần Phương Ngân | 22CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 186 | Nguyễn Thị Đào          | 22CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 187 | Nguyễn Thị Thanh Trúc   | 23CNSH  | Sinh - NN - MT       |
| 188 | Nguyễn Ngọc Hậu         | 23CNSH  | Sinh - NN - MT       |
| 189 | Đinh Thị Thuỷ Tiên      | 23CNSH  | Sinh - NN - MT       |
| 190 | Lại phước sơn           | 23SS    | Sinh - NN - MT       |
| 191 | Phạm Thuỳ Trâm          | 23SS    | Sinh - NN - MT       |
| 192 | Trần Thị Hồng Nhung     | 23SS    | Sinh - NN - MT       |
| 193 | Phạm Kiều Thanh         | 24CNSH  | Sinh - NN - MT       |
| 194 | Lê Hoàng Anh Nhi        | 24CNSH  | Sinh - NN - MT       |
| 195 | Trần Nguyễn Hoàng Cường | 24CNSH  | Sinh - NN - MT       |
| 196 | Nguyễn Thị Lan Hương    | 24SS    | Sinh - NN - MT       |
| 197 | Võ Ngọc Gia Bảo         | 25CNSH  | Sinh - NN - MT       |
| 198 | Phan Thị Bích Phượng    | 25CNSH  | Sinh - NN - MT       |
| 199 | Nguyễn Thị Phước An     | 25CNSH  | Sinh - NN - MT       |
| 200 | Vũ Hà Vi                | 25CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 201 | Đoàn Thị Thùy Duyên     | 25CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 202 | Đặng Thuỳ Linh          | 25CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 203 | Nguyễn Thị Huyền Trang  | 25CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 204 | Nguyễn Thị Hải Yến      | 25CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 205 | Lê Trần Thiên Phương    | 25CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 206 | Võ Thị Thuỳ Trang       | 25CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 207 | Lê Thị Yến Vy           | 25CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 208 | Võ Thị Thu Hiền         | 25CTM   | Sinh - NN - MT       |
| 209 | Lê Hồng Lâm             | 22CVNH2 | Sử - Địa - Chính trị |



|     |                       |         |                      |
|-----|-----------------------|---------|----------------------|
| 210 | Nguyễn Thị Anh Thu    | 22CVNH2 | Sử - Địa - Chính trị |
| 211 | Nguyễn Thái Tâm Như   | 22CVNH2 | Sử - Địa - Chính trị |
| 212 | Mai Thị Ngọc Bích     | 22SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 213 | Nguyễn Thị Cẩm Tú     | 22SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 214 | Dương Diễm Quỳnh      | 22SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 215 | Nguyễn Thị Ngọc Linh  | 23CDDL  | Sử - Địa - Chính trị |
| 216 | Hồ Thị Thanh Hằng     | 23CDDL  | Sử - Địa - Chính trị |
| 217 | Lê Thị Ngân           | 23SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 218 | Lương Thị Mỹ Lệ       | 23SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 219 | Trần Thị Yến Nhi      | 23SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 220 | Đào Nguyễn Hiền Linh  | 23SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 221 | Nguyễn Hồ Bảo Nhi     | 23SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 222 | Nguyễn Thị Huệ        | 23SLD1  | Sử - Địa - Chính trị |
| 223 | Nguyễn Minh Thịnh     | 24CDDL  | Sử - Địa - Chính trị |
| 224 | Huỳnh Thị Mỹ Hạnh     | 24CDDL  | Sử - Địa - Chính trị |
| 225 | Trần Thị Ly           | 24CLS   | Sử - Địa - Chính trị |
| 226 | Lê Thị Đoàn Trang     | 24CVNH1 | Sử - Địa - Chính trị |
| 227 | Lê Thị Mai Hân        | 24CVNH1 | Sử - Địa - Chính trị |
| 228 | Hồ Thị Linh Chi       | 24SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 229 | Lô Thị Định           | 24SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 230 | Vũ Thị Mỹ             | 24SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 231 | Nguyễn Thúy Quyền     | 24SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 232 | Phan Lâm Thương       | 24SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 233 | Đặng Thị Bình An      | 24SGC   | Sử - Địa - Chính trị |
| 234 | Phạm Thị Kiều My      | 24SLD2  | Sử - Địa - Chính trị |
| 235 | Võ Lê Thu Thủy        | 24SLD2  | Sử - Địa - Chính trị |
| 236 | Lê Thị Hoa            | 24SLS   | Sử - Địa - Chính trị |
| 237 | Ngô Thị Hải Viên      | 24SLS   | Sử - Địa - Chính trị |
| 238 | Hiên Dũng             | 25SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 239 | Trương Bảo Trân       | 25SDL   | Sử - Địa - Chính trị |
| 240 | Nguyễn Đặng Tuyết Mai | 25CLS   | Sử - Địa - Chính trị |
| 241 | Nguyễn Yến Ngọc       | 25CLS   | Sử - Địa - Chính trị |
| 242 | Lê Thị Kỳ Duyên       | 25CLS   | Sử - Địa - Chính trị |
| 243 | Nguyễn Thanh Bảo Trâm | 25CLS   | Sử - Địa - Chính trị |
| 244 | Trần Thị Tuyết Nga    | 25CVNH2 | Sử - Địa - Chính trị |
| 245 | Lê Uyên Nhi           | 25CVNH2 | Sử - Địa - Chính trị |
| 246 | Nguyễn Thị Trúc Lài   | 25CVNH2 | Sử - Địa - Chính trị |
| 247 | Ngô Thị Cẩm Ly        | 25SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 248 | Lê Kiều Hoa           | 25SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 249 | Võ Thị Phúc           | 25SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 250 | Chu Hồng Giang        | 25SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 251 | Trần Thị Thu Hạnh     | 25SCD   | Sử - Địa - Chính trị |
| 252 | Hồ Thị Diệu           | 25SDL   | Sử - Địa - Chính trị |



|     |                         |          |                      |
|-----|-------------------------|----------|----------------------|
| 253 | Hoàng Thị Thanh Huyền   | 25SDL    | Sử - Địa - Chính trị |
| 254 | Nguyễn Thị Thùy Trâm    | 25SGC    | Sử - Địa - Chính trị |
| 255 | Lê Tiêu Băng            | 25SLD1   | Sử - Địa - Chính trị |
| 256 | Lữ Thị Thắm             | 25SLD1   | Sử - Địa - Chính trị |
| 257 | Lữ Thị Thắm             | 25SLD1   | Sử - Địa - Chính trị |
| 258 | Phạm Thùy Linh          | 25SLD1   | Sử - Địa - Chính trị |
| 259 | Mai Nguyễn Việt Hà      | 25SLD2   | Sử - Địa - Chính trị |
| 260 | Hồ Huyền Trang          | 25SPL    | Sử - Địa - Chính trị |
| 261 | Nguyễn Minh Thư         | 23CTL2   | TL - GD - CTXH       |
| 262 | Đàng Thị Diễm Quỳnh     | 24CTL2   | TL - GD - CTXH       |
| 263 | Nguyễn Thị Chinh        | 24CTL2   | TL - GD - CTXH       |
| 264 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên  | 24CTXH   | TL - GD - CTXH       |
| 265 | Nguyễn Thị Minh Hằng    | 24CTXH   | TL - GD - CTXH       |
| 266 | Bùi Nguyễn Ngọc Tuệ     | 25CTL2   | TL - GD - CTXH       |
| 267 | Đặng Lê Huỳnh Trang     | 25CTL2   | TL - GD - CTXH       |
| 268 | Trương Văn Duy          | 23CNTT1  | Toán - Tin           |
| 269 | Chu Hồng Sáng           | 23CNTT1  | Toán - Tin           |
| 270 | Trần Công Thành         | 23CNTT3  | Toán - Tin           |
| 271 | Tạ Hồ Thanh Khương      | 23CNTT3  | Toán - Tin           |
| 272 | Nguyễn Thị Văn Nhi      | 23SPT    | Toán - Tin           |
| 273 | Nguyễn Việt Duy Bảo     | 23ST1    | Toán - Tin           |
| 274 | Phạm Mẫn Minh           | 23ST1    | Toán - Tin           |
| 275 | Nguyễn Duy Khánh Mỹ     | 23ST1    | Toán - Tin           |
| 276 | Võ Thị Ánh Uyên         | 23ST2    | Toán - Tin           |
| 277 | Dương Khánh Huyền       | 23ST2    | Toán - Tin           |
| 278 | Trần Văn Tú             | 24CNTT1  | Toán - Tin           |
| 279 | Thới Đình Thị Thanh Lũy | 24CNTT1  | Toán - Tin           |
| 280 | Nguyễn Quốc Khánh       | 24CNTT2  | Toán - Tin           |
| 281 | Huỳnh Đỗ Yến Nhi        | 24SPT    | Toán - Tin           |
| 282 | Trần Đỗ Hồng Ngọc       | 24SPT    | Toán - Tin           |
| 283 | Phạm Thị Hà Vy          | 24SPT    | Toán - Tin           |
| 284 | Võ Huỳnh Xuân Sen       | 24SPT    | Toán - Tin           |
| 285 | Thái Duy Hoàng Bách     | 24SPT    | Toán - Tin           |
| 286 | Trần Thị Hạnh Thực      | 24ST1    | Toán - Tin           |
| 287 | Lê Thị Thủy Trang       | 24ST1    | Toán - Tin           |
| 288 | Huỳnh Trần Hiểu Trân    | 25CKDL   | Toán - Tin           |
| 289 | Nguyễn Hoàng Vũ         | 25CKDL   | Toán - Tin           |
| 290 | Nguyễn Thị Thùy Dương   | 25-CNTT1 | Toán - Tin           |
| 291 | Nguyễn Thị Thanh Thuý   | 25CNTT1  | Toán - Tin           |
| 292 | Đỗ Ngọc Khánh An        | 25CNTT1  | Toán - Tin           |
| 293 | Nguyễn Bích Trà         | 25CNTT2  | Toán - Tin           |
| 294 | Nguyễn Thị Thu Sương    | 25CNTT2  | Toán - Tin           |
| 295 | Hoàng Thanh Thanh       | 25CNTT2  | Toán - Tin           |



|     |                        |         |            |
|-----|------------------------|---------|------------|
| 296 | Hoàng Yến Nhi          | 25CNTT2 | Toán - Tin |
| 297 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 25CNTT2 | Toán - Tin |
| 298 | Nguyễn Trần Bảo Thư    | 25CNTT2 | Toán - Tin |
| 299 | Nguyễn Thị Cẩm Tú      | 25CNTT2 | Toán - Tin |
| 300 | Hoàng Trà My           | 25CNTT2 | Toán - Tin |
| 301 | Lê Thị Thanh Hằng      | 25CNTT2 | Toán - Tin |
| 302 | Phạm Tùng Dương        | 25CNTT2 | Toán - Tin |
| 303 | Lê Nhã An              | 25CNTT2 | Toán - Tin |
| 304 | Nguyễn Hà Khánh Ngọc   | 25CNTT2 | Toán - Tin |
| 305 | Phan Thị Vân Na        | 25SPT   | Toán - Tin |
| 306 | Trương Minh Quân       | 25SPT   | Toán - Tin |
| 307 | Nguyễn Thị Nhân Ái     | 25SPT   | Toán - Tin |
| 308 | Bùi Nguyễn Bảo Ngọc    | 25SPT   | Toán - Tin |
| 309 | Phạm Thuỳ Dương        | 25spt   | Toán - Tin |
| 310 | Trương Minh Quân       | 25SPT   | Toán - Tin |
| 311 | Nguyễn Ngọc Minh       | 25ST2   | Toán - Tin |
| 312 | Võ Trần Ly Na          | 25ST2   | Toán - Tin |
| 313 | Trần Thanh Thảo        | 25ST2   | Toán - Tin |
| 314 | Phan Thị Minh Thư      | 25ST2   | Toán - Tin |
| 315 | Lê Nguyễn Anh Phương   | 25ST2   | Toán - Tin |
| 316 | Phan Thị Thu Hiền      | 25ST2   | Toán - Tin |
| 317 | Trần Thị My Sa         | 25ST2   | Toán - Tin |
| 318 | Lê Hồng Thuỷ           | 25ST2   | Toán - Tin |
| 319 | Nguyễn Lê Thanh Hoàng  | 25ST2   | Toán - Tin |
| 320 | Dương Thị Ngọc Lan     | 25ST2   | Toán - Tin |
| 321 | Tán Đại Phát           | 25ST2   | Toán - Tin |
| 322 | Phạm Võ Khánh Như      | 25ST2   | Toán - Tin |

*Danh sách trên có 322 sinh viên./.*